

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N, TỈNH N**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 - 5 - 2021

V/v chị D xin ly hôn anh Th

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Xuân Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Văn Rạng

2. Ông Đàm Văn Kiêu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh N.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:** Ông Trần Th Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 37/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2021. Về tranh chấp xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị D - Sinh năm 1995

Địa chỉ: Xóm Đồng Quang, xã N, huyện N, tỉnh N.

+ Bị đơn: Anh Trần Văn Th - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Xóm Đồng Quang, xã N, huyện N, tỉnh N.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh Th.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện lập ngày 10/3/2021 cũng như lời khai của nguyên đơn là chị Ngô Thị D trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Trần Văn Th vào tháng 11/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N. Sau khi kết hôn chị và anh Th chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến tháng 6/2019 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống và do anh Th không chung thủy với chị trong quan hệ vợ chồng. Hai bên gia đình đã nhiều

lần khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không được cải thiện. Từ tháng 3/2021 đến nay chị và anh Th sống ly thân nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh Th không còn nên chị xin được ly hôn anh Trần Văn Th. Về con chung giữa chị và anh Trần Văn Th có hai con chung là Trần Hoàng N sinh ngày 12/8/2014 và Trần Thị Như Q sinh ngày 04/6/2019. Hiện cháu N đang do anh Th nuôi dưỡng còn cháu Q đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q, còn cháu N giao cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa chị và anh Trần Văn Th thì chị không yêu cầu giải quyết. Về án phí, chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, phía bị đơn là anh Trần Văn Th vắng mặt nhưng anh Th có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Ngô Thị D về quá trình kết hôn và sống chung giữa anh và chị D. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020, nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong hôn nhân và anh có lỗi với D dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Từ tháng 3/2021 đến nay anh và chị D sống ly thân nhau. Nay chị D xin ly hôn anh thì anh không nhất trí vì anh xác định vợ chồng vẫn còn tình cảm và con còn nhỏ, anh mong chị D suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ. Về con chung giữa anh và chị Ngô Thị D có hai con chung là Trần Hoàng N sinh ngày 12/8/2014 và Trần Thị Như Q sinh ngày 04/6/2019. Hiện cháu N đang do anh nuôi dưỡng còn cháu Q đang do chị D nuôi dưỡng. Nếu phải ly hôn thì anh xin nhận trực tiếp nuôi dưỡng cháu N còn để chị D nuôi cháu Q, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung giữa anh và chị Ngô Thị D thì anh không yêu cầu giải quyết. Về án phí anh đề nghị giải quyết chị D phải nộp theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng, qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th. Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng N sinh ngày 12/8/2014 cho anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Trần Thị Như Q sinh ngày 04/6/2019 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí dân sự sơ thẩm, đề nghị tuyên chị Ngô Thị D phải nộp theo quy định.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th đều cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh N. Nay chị D xin ly hôn anh Th và Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa vắng mặt anh Trần Văn Th nhưng Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập phiên tòa cho anh Th lần thứ hai, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th được tổ chức kết hôn vào tháng 11/2013, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị D và anh Th sống chung hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2021 thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và chị D nghi ngờ anh Th sống không chung thủy với chị. Hai bên gia đình đã nhiều lần động viên khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị D và anh Th không được cải thiện. Từ tháng 3/2021 đến nay chị D và anh Th sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh Th đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị D xin được ly hôn anh Th nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh Th không nhất trí ly hôn và xin đoàn tụ cùng chị D với lý do tình cảm vợ chồng vẫn còn và con chung còn nhỏ, thấy không có căn cứ nên yêu cầu của anh Th không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th có hai con chung là Trần Hoàng N sinh ngày 12/8/2014 và Trần Thị Như Q sinh ngày 04/6/2019, hiện cháu N đang do anh Th nuôi dưỡng còn cháu Q đang do chị D nuôi dưỡng. Nay chị D và anh Th đều đề nghị giải quyết anh Th trực tiếp nuôi cháu N, chị D trực tiếp nuôi cháu Q và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung; nên chấp nhận đề nghị của chị D và anh Th về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung là phù hợp.

[4] Về tài sản chung: Chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th đều không yêu cầu giải quyết về tài sản chung của anh chị nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm, chị Ngô Thị D phải nộp theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Thấy đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng về việc giải

quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6; 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Ngô Thị D và anh Trần Văn Th.

2- Về con chung: Giao cháu Trần Hoàng N sinh ngày 12/8/2014 cho anh Trần Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Trần Hoàng N đang do anh Trần Văn Th chăm sóc, nuôi dưỡng). Giao cháu Trần Thị Như Q sinh ngày 04/6/2019 cho chị Ngô Thị D trực tiếp nuôi dưỡng (hiện cháu Trần Thị Như Q đang do chị Ngô Thị D chăm sóc, nuôi dưỡng). Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm, chị Ngô Thị D phải nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Ngô Thị D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: AA/2019/0001898 ngày 10/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Ngô Thị D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị D, vắng mặt anh Th. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

#### **Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKS huyện N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

**Trần Xuân Dũng**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**HỘI THẨM NHÂN DÂN** **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đào Văn Rạng**

**Đàm Văn Kiều**

**Trần Xuân Dũng**